

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 173/2024/HS-ST

Ngày: 29- 11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc – Cán bộ hưu trí;

2. Bà Nguyễn Thị Di – cán bộ hưu trí, huyện Long Điền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thiên L – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 151/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024; đối với bị cáo:

Hoàng S; tên gọi khác: Hoàng Văn S, Hoàng Văn H sinh năm 1978, tại Nghệ An; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V, sinh năm 1955(đã chết) và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; 03 con, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/12/1998, Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai tạm giữ về hành vi “ Cưỡng đoạt tài sản” sau đó trả tự do và chuyển xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 15/4/2024, bị cáo bị bắt trong trường hợp truy nã theo quyết định truy nã số 14/1999 ngày 22/5/1999 đến ngày 23/4/2024 chuyển tạm giam theo lệnh tạm giam số 256/LTG của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Bị hại:**

- Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1982; địa chỉ: A, Q, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1982; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Ông Lầu Sĩ V1, sinh năm 1980; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Ông Trần Hải B, sinh năm 1980; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1982; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Ông Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1980; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1979; địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Ninh Thuận.
 - Bà Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1983; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
 - Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- (Bà N, bà O, ông V1, ông B, ông B1, ông L2, ông N1, bà N2, bà T vắng mặt).

2.3 Người chứng kiến:

- Bà Hoàng Thị N3, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Bà N3, bà L1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 19/02/1999, Lê Nhật V2 (sinh năm 1974), Nguyễn Xuân H1 (sinh năm 1980) và Hoàng P (sinh năm 1980) cùng bàn bạc thống nhất rủ nhau đi đến khu vực khách sạn P1 tại thị trấn L, huyện L (nay là thị trấn L, huyện L) để cướp tài sản của những người khách du lịch. Lúc này, Hoàng S (tên gọi khác Hoàng Văn S, Hoàng Văn H, sinh năm 1978) đi đến nên P rủ S cùng đi, S đồng ý. Trước khi đi, P đưa 01 con dao Thái Lan cho H1 cầm, V2 cầm 01 con dao lê đã chuẩn bị sẵn rồi cả hai đi đến khu vực khách sạn P1 trước, còn P cùng S đi theo sau. Khi đến nơi, V2 thấy khách du lịch đang ngồi, nằm trên bậc tam cấp của khách sạn liền đi đến đưa ra thông tin giả nói nhóm du khách này đánh người thân của V2 và bắt họ vào phòng vệ sinh của khách sạn để nhận mặt nhằm mục đích khống chế cướp tài sản. V2 phân công P, S đứng trước phòng vệ sinh cảnh giới; còn V2 cầm lưỡi lê, H1 cầm dao Thái Lan trực tiếp khống chế 09 người khách du lịch lục tìm tài sản, gồm:

1. Bà Lê Thị Thanh N (sinh năm 1982; Nơi cư trú: 109, Q, Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 01 lắc đeo tay, 01 sợi dây chuyền, 02 đôi bông tai và số tiền 300.000 đồng với tổng giá trị là 2.000.000 đồng;

2. Bà Trần Thị Kim O (sinh năm 1982; Nơi cư trú: Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 01 vòng đeo tay; 01 lắc đeo tay; 01 chiếc nhẫn; 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và số tiền 100.000 đồng với tổng giá trị là 2.500.000 đồng;

3. Ông Lâu Sĩ V1 (sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 01 chiếc nhẫn, 01 đồng hồ đeo tay và số tiền 450.000 đồng với tổng giá trị là 1.000.000 đồng;

4. Ông Trần Hải B (sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 01 đồng hồ đeo tay, 01 sợi dây chuyền với tổng giá trị là 170.000 đồng;

5. Ông Nguyễn Văn B1 (sinh năm 1982; Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai), số tiền 20.000 đồng;

6. Ông Nguyễn Hoàng L2 (sinh năm 1980; Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 01 lắc tay; 01 sợi dây chuyền, 01 đôi giày và số tiền 100.000 đồng với tổng giá trị là 5.000.000 đồng;

7. Ông Phạm Văn N1 (sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Ninh Thuận) 01 chiếc nhẫn; 01 đồng hồ đeo tay và 01 đôi dép da với tổng giá trị là 330.000 đồng;

8. Bà Nguyễn Hoàng N2 (sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 01 nhẫn đeo và số tiền 200.000 đồng với tổng giá trị là 250.000 đồng;

9. Bà Lê Thị Thanh T (sinh năm 1983; xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai): 01 đồng hồ; 01 đôi bông tai; 01 đôi vòng; 02 chiếc nhẫn, 01 sợi dây chuyền; 01 máy chụp ảnh và số tiền 1.200.000 đồng với tổng giá trị là 2.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà V2, H1, P và S đã chiếm đoạt được là 13.970.000 đồng.

Sau khi không chế 09 người khách du lịch để chiếm đoạt tài sản V2 đưa cho P 01 cái túi xách trong đó có 01 chiếc máy chụp ảnh của bà T, 01 đôi giày của ông L2 và một ít quần áo rồi cùng nhau bỏ chạy. Sau đó, P đem bán máy chụp ảnh cho một người chưa rõ nhân thân lại lịch được 100.000 đồng tiêu xài cá nhân, S được P đưa cho 01 chiếc áo khoác để sử dụng.

Tại Bản án số 188/HSST ngày 20/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt: Lê Nhật V2, Nguyễn Xuân H1, Hoàng P về tội “Cướp tài sản công dân” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1985.

Riêng Hoàng S sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra đối với bị can.

Ngày 15/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã bắt truy nã đối với Hoàng S và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B để phục hồi điều tra đối với bị can theo đúng thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, S đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

* Về trách nhiệm dân sự: Bản án số 188/HSST ngày 20/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên buộc Lê Nhật V2 phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 13.970.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 158/CT-VKSLĐ ngày 07-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo Hoàng S về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a,d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hoàng S về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a,d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản điểm a,d khoản 2 Điều 168; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/NQ- UBTVQH 2017 ngày 20/06/2017 thi hành Bộ luật hình sự; mục d7 Thông tư liên tịch số 02/ TTLT ngày 05/7/2000 hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 1999 và mục 2 Nghị quyết 32/1999 ngày 21/12/1999; Khoản 3, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 1985 đề nghị mức hình phạt bị cáo Hoàng S từ 05 năm đến 06 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng, đề nghị: Không.

- Bị cáo Hoàng S đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tài liệu chứng cứ thu thập đều hợp pháp. Các bị hại trong vụ án vắng mặt nhưng phần trách nhiệm dân sự đã được giải quyết, bị cáo không có ý kiến, Kiểm sát viên cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22 giờ ngày 19/02/1999, Lê Nhật V2, Nguyễn Xuân H1, Hoàng P và Hoàng S đã cùng bàn bạc thống nhất đi đến Khách sạn P1 thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để cướp tài sản khách du lịch. Khi đến nơi, Hoàng S và Hoàng P được V2 phân công đứng canh giới ở phía ngoài khách sạn để cho V2 dùng dao lê, H1 dùng dao Thái Lan không chế cướp tài sản của các ông, bà: Lê Thị T1, Trần Thị Kim O, Lầu S, Trần Hải B, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Hoàng L2, Phạm Văn N1, Nguyễn Hoàng N2 và Lê Thị Thanh T chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 13.970.000 đồng.

Bị cáo Hoàng S cùng đồng bọn đã đe dọa dùng vũ lực làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi của Hoàng S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2, Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1985 được sửa đổi bổ sung năm 1989. Tuy nhiên bộ luật này trước đây quy định khung hình phạt cao nhất đối với tội này là tử hình còn theo quy định tại Điều 168 năm 2015 hiện hành thì khung hình phạt cao nhất là chung thân nên cần áp dụng có lợi cho bị cáo như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền đã truy tố bị cáo tại khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động mà vẫn muốn có tài sản để tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội giữ vai trò thứ yếu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

[4.2] Về quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Hoàng S, chưa có tiền án, tiền sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội trước khi bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực và theo quy định của pháp luật cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo khoản 3, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 cũng như hướng dẫn tại mục d7, khoản 3 Thông tư liên tịch số 02//2000/TTLT ngày 05/7/2000 của TANDTC - VKSNDTC- BTP- BCA để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hiện nay quy định là thỏa đáng.

Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội sau đó bỏ trốn trong thời gian dài.

Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật để giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt. Theo Nghị quyết số 41/2017 và Thông tư liên tịch 02/2000 để áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015 cần xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng S phạm tội “Cướp tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 38 BLHS năm 2015; Nghị Quyết 41/2017 ngày 20/06/2017; Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT ngày 05/7/2000 của TANDTC – VKSNDTC- BTP - BCA; Nghị quyết 32/1999 ngày 21/12/1999 khoản 3 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985.

1.2 Xử phạt bị cáo Hoàng S 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15-4-2024.

2 Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Hoàng S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phòng PC 10, PV 06 Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THA dân sự H.Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu